

Số: 03-03/2026/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225 626 3333 Fax: 0225 3533 679
- Email: info@quangbinhjsc.com.vn Website: www.quangbinhjsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://quangbinhjsc.com.vn/news/653-bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2025>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2025
- Văn bản giải trình

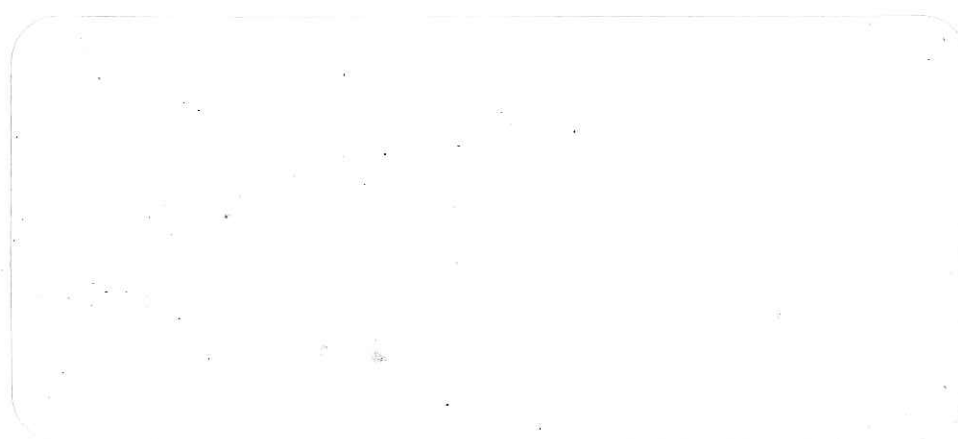
Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) *h*



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 33 ngày 23 tháng 07 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Hải Phòng cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Bà Trần Thị Yến Chi - Chủ tịch HĐQT. Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Văn Trung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BAO CAO CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CONG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Số: 21071/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2025 với số tiền lần lượt khoảng 524,9 tỷ VND; 128,8 tỷ VND và 7,3 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 417,3 tỷ VND. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 01/01/2025 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị khoảng 341,7 tỷ VND.

BÁO CAO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong năm 2025, Công ty lỗ một khoản 78 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 480 tỷ VND, tương ứng 69% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính này vào ngày 31/03/2025.



Đỗ Thị Thanh Huyền

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2421-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Hải Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1329-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.124.469.139	326.093.629.601
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.388.382.425	10.224.908.453
1.	Tiền	111		388.382.425	224.908.453
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		236.670.696.311	315.848.224.252
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	524.972.700.280	525.791.380.280
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	128.842.268.893	131.543.268.893
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	289.826.211	289.826.211
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(417.434.099.073)	(341.776.251.132)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		65.390.403	20.496.896
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	152.170	76.091
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.238.233	20.420.805
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.031.379.107	8.621.623.333
II.	Tài sản cố định	220		8.031.165.231	8.619.060.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.031.165.231	8.619.060.967
	- Nguyên giá	222		15.377.198.132	15.377.198.132
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.346.032.901)	(6.758.137.165)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		213.876	2.562.366
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	213.876	2.562.366
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		255.155.848.246	334.715.252.934
	(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.491.561.366	30.685.857.418
I.	Nợ ngắn hạn	310		29.491.561.366	30.685.857.418
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	7.319.977.255	7.207.894.724
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.920.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.959.551.085	4.332.108.240
4.	Phải trả người lao động	314		74.769.000	-
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	742.119.889	752.630.317
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	10.617.000.000	10.617.000.000
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.664.286.880	304.029.395.516
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.12	225.664.286.880	304.029.395.516
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(480.078.342.417)	(401.713.233.781)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(401.713.233.781)	(261.249.683.863)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		255.155.848.246	334.715.252.934

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	150.000.000	55.540.335.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		150.000.000	55.540.335.400
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	89.457.228	55.476.376.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.542.772	63.958.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	190.228.391	211.953.115
7. Chi phí tài chính	22	5.4	100.148.981	136.250.931
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	585.571
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	18.062.372	54.187.104
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	78.219.852.741	134.297.767.183
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(78.087.292.931)	(134.212.293.178)
11. Thu nhập khác	31	5.7	-	226.228.677
12. Chi phí khác	32	5.8	277.815.705	2.159.434.573
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(277.815.705)	(1.933.205.896)
14. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	4.318.050.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(1.130)	(2.026)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	(1.130)	(2.026)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch HĐQT

Trần Thị Yến Chi

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	1		(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2		587.895.736	820.398.063
- Các khoản dự phòng	3		75.657.847.941	130.427.237.708
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		14.121.328	(135.665.360)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(190.228.391)	(438.181.792)
- Chi phí lãi vay	6		-	585.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(2.295.472.022)	(5.471.124.884)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		3.474.862.572	(49.870.902.372)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	55.308.044.791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		418.397.434	2.342.924.544
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.272.411	18.244.090
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(585.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.627.000.000)	(1.646.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.939.605)	680.480.598
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	2.263.636.364
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		190.228.391	231.185.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		190.228.391	2.494.822.356
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.126.666.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.126.666.686)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		163.288.786	48.636.268
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	10.224.908.453	10.175.244.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		185.186	1.027.260
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.1	10.388.382.425	10.224.908.453



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy



Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 33 ngày 23 tháng 07 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 693.299.280.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 69.329.928 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là: Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa; Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Các đối tượng thành viên của Công ty như sau:

Tên các đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 31/12/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là 480.078.342.417 VND, tương ứng 69% vốn chủ sở hữu. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 45
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 – 06

3.5. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.6. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

3.9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.12. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

h

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15. Các bên liên quan

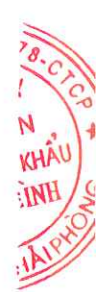
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.467.686	54.307.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	383.914.739	170.600.916
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.388.382.425	10.224.908.453

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 1,9%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.



(h

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 – DN

4.2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(9.595.261.492)
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	(116.583.080.000)	131.258.750.000	(82.399.345.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.445.828.800	(63.775.389.110)	166.805.828.800	(43.076.236.250)
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	99.040.155.500	(67.831.969.150)	99.050.155.500	(48.028.938.050)
Phải thu các khách hàng khác	11.769.631.493	(7.068.560.811)	11.765.311.493	(6.096.631.830)
	524.972.700.280	(372.170.333.558)	525.791.380.280	(296.512.485.617)

4.3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	38.406.500.000	(38.406.500.000)	38.406.500.000	(38.406.500.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	20.599.000.000	-	22.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	56.145.000.000	-	56.145.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bách Việt Hà Nội	5.410.000.000	-	6.665.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	3.815.942.981	(2.242.222.981)	3.710.942.981	(2.242.222.981)
	128.842.268.893	(45.114.548.893)	131.543.268.893	(45.114.548.893)

4.4. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Ký quỹ, ký cược	112.500.000	-	112.500.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Lãi tiền gửi	28.109.589	-	28.109.589	-
	289.826.211	(149.216.622)	289.826.211	(149.216.622)

4.5. Chi phí trả trước

4.5.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phân bổ khác	152.170	76.091
	152.170	76.091

4.5.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	213.876	2.562.366
	213.876	2.562.366

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 – DN

4.6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Phát triển Phan bốn Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	103.030.439.690	63.775.389.110	123.729.592.550
- Công ty SW Intertrade Trading	4.486.106.650	516.471.130	3.969.635.520	1.488.400.111
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	14.222.670.000	116.583.080.000	48.859.405.000
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	38.406.500.000	-
- Công ty Cổ phần XNK Hà Nội	99.040.155.500	31.208.186.350	67.831.969.150	51.031.217.450
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	19.551.452.298	-	19.551.452.298	-
	566.411.866.243	148.977.767.170	417.434.099.073	225.108.615.111
	566.411.866.243		566.884.866.243	341.776.251.132

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 – DN

4.7. Tài sản cố định

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
Số cuối năm	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	3.004.101.221	397.272.773	2.537.764.089	818.999.082	6.758.137.165
Tăng trong năm	423.182.892	-	156.631.696	8.081.148	587.895.736
- <i>Khấu hao trong năm</i>	423.182.892	-	156.631.696	8.081.148	587.895.736
Số cuối năm	3.427.284.113	397.272.773	2.694.395.785	827.080.230	7.346.032.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	8.210.862.861	-	396.076.364	12.121.742	8.619.060.967
- Tại ngày cuối năm	7.787.679.969	-	239.444.668	4.040.594	8.031.165.231

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2025 là 3.445.131.633 VND (Tại 01 tháng 01 năm 2025 là 2.473.610.633 VND).

4.8. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
Fagro Internatoinal Trading Fze	3.225.324.168	3.225.324.168	3.124.322.623	3.124.322.623
Các đối tượng khác	904.260.287	904.260.287	893.179.301	893.179.301
	7.319.977.255	7.319.977.255	7.207.894.724	7.207.894.724

4.9. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	631.180	11.141.608
Bảo hiểm xã hội:	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
- Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	741.488.709	741.488.709
	742.119.889	752.630.317

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B 09 – DN

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434
Giảm trong năm trước	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
- <i>Lỗi trong năm trước</i>	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
Số dư cuối năm trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Giảm trong năm	-	-	-	(78.365.108.636)	(78.365.108.636)
- <i>Lỗi trong năm</i>	-	-	-	(78.365.108.636)	(78.365.108.636)
Số dư cuối năm này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(480.078.342.417)	225.664.286.880

4.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	693.299.280.000	100,00%	693.299.280.000	100,00%

4.12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.12.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.000.000	55.540.335.400
	150.000.000	55.540.335.400

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	89.457.228	55.476.376.475
	89.457.228	55.476.376.475

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.228.391	211.953.115
	190.228.391	211.953.115

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	585.571
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	86.027.653	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	14.121.328	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	135.665.360
	100.148.981	136.250.931

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.062.372	54.187.104
	18.062.372	54.187.104

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.408.176.329	2.055.721.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.056.293	63.138.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.376.136	617.329.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.887.874	959.248.524
Chi phí khác bằng tiền	45.508.168	175.091.403
Chi phí dự phòng	75.657.847.941	130.427.237.708
	78.219.852.741	134.297.767.183

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	226.228.677
	-	226.228.677

5.8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	277.815.705	-
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	-	2.159.434.573
	277.815.705	2.159.434.573

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	-	4.318.050.844
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.318.050.844

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
- Các khoản điều chỉnh tăng	277.815.705	2.190.352.465
+) <i>Chi phí không được trừ</i>	277.815.705	2.190.352.465
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(78.087.292.931)	(133.955.146.609)
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	(78.087.292.931)	(133.955.146.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	-	4.318.050.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	4.318.050.844

Ch

5.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	(1.130)	(2.026)

5.11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	34.056.293	63.138.908
Chi phí nhân công	1.408.176.329	2.055.721.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.895.736	820.398.063
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	75.657.847.941	130.427.237.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.887.874	978.698.524
Chi phí khác bằng tiền	45.508.168	175.091.403
	78.327.372.341	134.520.285.971

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

6.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	10.388.382.425	10.224.908.453	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.828.427.418	184.304.955.359	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	118.216.809.843	194.529.863.812	-	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.062.097.144	7.960.525.041	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-
	18.679.097.144	18.577.525.041	-	-

(i) Giá trị ghi sổ được ghi nhận theo giá trị thuần, tức là đã trừ đi dự phòng

(h)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

6.2. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và tương đương tiền	10.224.908.453	-	-	10.224.908.453
Phải thu khách hàng, phải thu khác	184.304.955.359	-	-	184.304.955.359
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	194.529.863.812	-	-	194.529.863.812

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.960.525.041	-	-	7.960.525.041
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.577.525.041	-	-	18.577.525.041

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và tương đương tiền	10.388.382.425	-	-	10.388.382.425
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.828.427.418	-	-	107.828.427.418
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	118.216.809.843	-	-	118.216.809.843



(b)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.062.097.144	-	-	8.062.097.144
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.679.097.144	-	-	18.679.097.144

Hội đồng quản trị đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài các sự kiện nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ghi chú
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/03/2024

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025	Năm 2024
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	-	3.060.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2025	01/01/2025
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000

7.4.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	111.430.818	47.799.879
Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/06/2024)	108.832.496	160.891.339
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	62.208.000	163.785.706
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT	62.208.000	86.400.000
Ban kiểm soát			
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	62.208.000	86.400.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	46.656.000	64.800.000
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	110.752.065	139.200.805
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Hoàng Văn Hưng	Giám đốc	124.040.556	143.452.626
Ban kiểm toán nội bộ			
Bà Lê Thị Hiệp	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	12.000.000	12.000.000
		700.335.935	904.730.355

7.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng Quản trị, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy



Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**
Số: 02/T3/2026/PKT
v/v: Giải trình về lợi nhuận sau thuế

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00*****

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2025 lỗ như sau:

- Doanh thu năm 2025 đạt 0,15 tỷ đồng, giá vốn năm 2025 đạt 0,089 tỷ đồng. Sự sụt giảm trên do: năm 2025 giá bán Ure sụt giảm và duy trì ở mức thấp do các nhà sản xuất ở châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào. Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón. Nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ năm 2025, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại phân bón.
- Tổng doanh thu tài chính năm 2025 đạt 0,19 tỷ đồng, tổng chi phí tài chính năm 2025 là 0,10 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 đạt 78,22 tỷ đồng.
- Chi phí khác năm 2025 đạt 0,28 tỷ và trong năm không phát sinh thu nhập khác.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về các nội dung chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2025 lỗ. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số: 03/T3/2026/PKT**

v/v: *Giải trình về việc tổ chức kiểm toán
từ chối đưa ý kiến*

**Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00*******

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về nội dung Công ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Quốc Tế từ chối đưa ra ý kiến.

- **Ý kiến của kiểm toán:** Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2025 với số tiền lần lượt khoảng 524,9 tỷ VND; 128,8 tỷ VND và 7,3 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 417,3 tỷ VND. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 01/01/2025 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị khoảng 341,7 tỷ VND.

- **Giải trình:** Trong quá trình kiểm toán tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, Công ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Quốc Tế đã gửi thư xác nhận công nợ cho các khoản công nợ phải thu, phải trả còn số dư tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty Chúng tôi. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này còn nhiều khách hàng chưa gửi thư xác nhận phản hồi cho các Kiểm toán viên. Công ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Quốc Tế cũng đã gửi Công văn yêu cầu phía chúng tôi hỗ trợ liên hệ với các khách hàng và nhà cung cấp để đối chiếu xác nhận các khoản công nợ chưa được đối chiếu. Chúng tôi đã liên hệ với các đối tác có liên quan đến việc đối chiếu xác nhận số dư công nợ tại thời điểm 31/12/2025. Tuy nhiên hiện nay đa số các đối tác đã không phản hồi lại thông tin như đã yêu cầu cung cấp. Do đó, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty TNHH Kiểm



Handwritten signature/initials

Toán Và Định Giá Quốc Tế và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình chưa thu thập được đối chiếu các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2025 với số tiền lần lượt khoảng 524,9 tỷ VND; 128,8 tỷ VND và 7,3 tỷ VND.

- **Ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán:** Trong năm 2025, Công ty lỗ một khoản 78 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 480 tỷ VND, tương ứng 69% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục.

- **Giải trình ý kiến nhấn mạnh:** Trong năm 2025, Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, thu hồi vốn chi trả các khoản thanh toán quá hạn thanh toán với nhà cung cấp. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 75,66 tỷ đồng. Công ty đang tích cực làm việc với đối tác nhằm đôn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn trên nhằm hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đồng thời Công ty đang nghiên cứu đầu tư, triển khai, mở rộng các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả. Do đó, Ban điều hành Công ty vẫn lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 trên cơ sở hoạt động liên tục.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về các nội dung Công ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Quốc Tế từ chối đưa ra ý kiến cho Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi

-Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số: 04/T3/2026/PKT**

v/v: Giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế

**Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00*******

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Lời đầu tiên, Công ty CP XNK Quảng Bình xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2025 chênh lệch trên 10% so với Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2024 như sau:

- Doanh thu năm 2025 đạt 0,15 tỷ đồng, giảm mạnh 55,39 tỷ đồng tương ứng giảm 99,73% so với doanh thu năm 2024. Giá vốn năm 2025 đạt 0,089 tỷ đồng, giảm 55,39 tỷ đồng tương ứng giảm 99,84% so với giá vốn năm 2024. Sự sụt giảm trên do: năm 2025 giá bán Ure sụt giảm và duy trì ở mức thấp do các nhà sản xuất ở châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào. Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón. Nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ năm 2025, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại phân bón.

- Tổng doanh thu tài chính năm 2025 đạt 0,19 tỷ đồng, giảm 0,021 tỷ đồng tương ứng giảm 10,25% so với doanh thu tài chính năm 2024. Tổng chi phí tài chính năm 2025 là 0,10 tỷ đồng giảm 0,036 tỷ đồng tương ứng giảm 26,50% so với chi phí tài chính năm 2024.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 đạt 78,22 tỷ đồng, giảm 56,08 tỷ đồng tương ứng giảm 41,76% so với chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 do năm 2024 công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi thêm 130,43 tỷ đồng.

- Thu nhập khác giảm 0,23 tỷ đồng so với thu nhập khác năm 2024 do năm 2024 công ty thực hiện giao dịch thanh lý tài sản cố định. Chi phí khác giảm 1,88 tỷ đồng so với năm 2024.



Th uy

Vì các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng 62,10 tỷ đồng, tương ứng tăng 44,21% so với cùng kỳ năm 2024.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về chỉ tiêu số 60 Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2025 chênh lệch trên 10% so với lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thị Yến Chi

